

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN T  
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: 10/2021/HNGĐ - ST

Ngày: 31 –12 – 2021

“V/v: Ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT – TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Quang Phúc

*Các Hội thẩm nhân dân:* ông Nguyễn Thành Long  
bà Nguyễn Thị Thắm

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Quách Thị Khuyến – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tham gia phiên tòa:**  
Ông Nguyễn Xuân Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2021 tại Hội trường A – Tòa án nhân dân huyện T, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 257/2021/TLST - HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2021 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2021/QĐXX-ST ngày 26 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 29/2021/QĐST – HNGĐ ngày 14/12/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Hoàng Văn T**, sinh năm: 1971

Địa chỉ: Khu phố 5, phường M, Thị xã B, tỉnh B

2. Bị đơn: Bà Thái Thị S, sinh năm: 1975

Địa chỉ: Đường T, Tổ 1, ấp T, xã X, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Ông T và bà S vắng mặt tại phiên tòa).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 17 tháng 3 năm 2021, tại các bản khai, biên bản lấy lời khai nguyên đơn ông Hoàng Văn T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông T và bà S quen biết, yêu thương nhau được 03 năm thì đi đến kết hôn, vợ chồng kết hôn tại UBND xã M, nay là phường M, Thị xã B, tỉnh Bình Dương và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 16/4/1999. Đây là hôn nhân lần đầu của ông T.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung cùng gia đình ông T tại B, Bình Dương nhưng đến ngày 02/11/2016 bà S tự ý bỏ đi mà không nói lý do cho ông T biết, từ năm 2016 đến nay vợ chồng không gặp nhau mà cũng không bàn bạc đoàn

tự. Trong khoảng thời gian ly thân ông T đã xuống gặp bà S để bàn bạc đoàn tụ nhưng bà S vẫn không đồng ý quay về đoàn tụ. Nay xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, vợ chồng không thể tiếp tục sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông T yêu cầu ly hôn với bà S.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 02 (hai) con chung là cháu Hoàng Chí T, sinh ngày: 12/11/1995 và cháu Hoàng Thanh T, sinh ngày: 17/10/1997. Hiện hai con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề con chung.

Về tài sản chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung, nợ riêng: Không có

\* Bị đơn bà Thái Thị S vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, không cung cấp văn bản trình bày ý kiến và tài liệu, chứng cứ về yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn T.

\* Theo biên bản xác minh ngày 02 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, xác minh về nơi cư trú của bà Thái Thị S. Qua xác minh ông Đồng Văn Xanh – phó trưởng công an xã X, huyện T cho biết bà Thái Thị S đăng ký HKTT và hiện nay đang cư trú, sinh sống tại địa chỉ đường T, tổ 1, ấp T, xã X, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

\* Theo biên bản xác minh ngày 02 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất xác minh tại trụ sở ban ấp T, xã X, huyện T về quan hệ hôn nhân và mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Thái Thị S và ông Hoàng Văn T. Qua xác minh ông Đào Hữu P – trưởng ấp T, xã X, huyện T cho biết ông T và bà S kết hôn với nhau vào khoảng năm 1999. Tuy nhiên sau khi kết hôn thì vợ chồng ông T, bà S không sinh sống tại gia đình ông T ở Bình Dương. Vào cuối năm 2016 bà S về địa phương sinh sống mà không sống chung cùng ông T nữa. Về mâu thuẫn vợ chồng thì ban ấp không nắm được vì ban ấp không nhận được đơn yêu cầu hòa giải về mâu thuẫn vợ chồng của ông T, bà S.

*\* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:*

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Nguyên đơn, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng.

Về việc giải quyết tranh chấp: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông T; về con chung: Hiện 02 con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên đề nghị HĐXX không xem xét, giải quyết; Về chia tài sản không đặt ra xem xét; Ông T phải chịu án phí theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Qua nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn ông Hoàng Văn T khởi kiện tranh chấp ly hôn, bị đơn bà Thái Thị S có nơi cư trú tại huyện T, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền

giải quyết của Tòa án nhân dân huyện, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bà Thái Thị S đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà S.

Ông Hoàng Văn T vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ông T và bà S tự nguyện xây dựng gia đình vào năm 1999, có đăng ký kết hôn, đáp ứng điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 5, Điều 6 và Điều 8 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986, được cấp có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận kết hôn theo quy định, nên xác định hôn nhân giữa ông T và bà S là hợp pháp.

[2.2] Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bà S không đến Tòa án làm việc cũng như không cung cấp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông T. Tuy nhiên căn cứ vào kết quả xác minh tại chính quyền địa phương, lời khai của ông T đủ cơ sở xác định trong quá trình chung sống, ông T và bà S có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do bất đồng trong đời sống vợ chồng, từ cuối năm 2016 đến nay vợ chồng không sống chung nhà với nhau, không quan tâm, yêu thương nhau, việc ai nấy làm. Quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành thông báo, triệu tập bà S đến Tòa để hòa giải đoàn tụ theo quy định nhưng bà S không đến Tòa làm việc, qua đó thể hiện việc bà S không quyết tâm bảo vệ quan hệ hôn nhân giữa bà và ông T. Từ đó cho thấy hôn nhân giữa ông T và bà S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông T, cho ly hôn giữa ông T và bà S.

[2.3] Quá trình chung sống, vợ chồng ông T, bà S có 02 con chung là các cháu Hoàng Chí T, sinh ngày: 12/11/1995 và cháu Hoàng Thanh T, sinh ngày: 17/10/1997. Hiện hai con chung đã thành niên và có khả năng lao động HĐXX không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về tài sản: Không có ai yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[2.5] Về nợ chung, nợ riêng: Không có.

[3] Ông T là nguyên đơn trong vụ án này nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Các bên đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[5] Xét đề nghị của Viện kiểm sát về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 229, Điều 235; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 5, Điều 6 và Điều 8 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn T, về việc “Ly hôn” với bà Thái Thị S.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Hoàng Văn T và bà Thái Thị S.

2. Về con chung: Vợ chồng ông T, bà S có 02 con chung là các cháu Hoàng Chí T, sinh ngày: 12/11/1995 và cháu Hoàng Thanh T, sinh ngày: 17/10/1997. Hiện hai con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

3. Về chia tài sản: Không đặt ra giải quyết.

4. Về nghĩa vụ tài sản: Không có.

5. Về nghĩa vụ chịu án phí: Ông Hoàng Văn T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0006575 ngày 18/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Nai. Ông Hoàng Văn T đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Ông Hoàng Văn T và bà Thái Thị S được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Bản án được cấp, tổng đạt hoặc được niêm yết theo quy định.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận :**

- Các đương sự;
- TAND T. Đồng Nai;
- VKSND H. Thống Nhất;
- Chi cục THADS H.T;
- UBND phường M, Thị xã B, Bình Dương,
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Đặng Quang Phúc**